

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	~	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A1	Phạm Nguyễn Quỳnh Anh	20/04/2005	x	Kinh	Tb	T	10A01	Bóng chuyền - Thầy Hậu
2	11A1	Đặng Phương Đông	09/03/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
3	11A1	Nguyễn Hồ Cẩm Giang	16/07/2005	x	Kinh	K	T	10A01	Taekwondo - Cô Ly
4	11A1	Đoàn Phước Hậu	09/07/2005		Kinh	K	T	10A03	Điền kinh - Thầy Hạnh
5	11A1	Bùi Trung Hiếu	02/11/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
6	11A1	Nguyễn Văn Huy Hoàng	21/06/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
7	11A1	Hoàng Đức Huy	16/02/2005		Kinh	K	K	10A03	Điền kinh - Thầy Minh
8	11A1	Uông Nhật Huy	17/11/2005		Hoa	G	T	10A01	Cầu lông - Cô Ngân
9	11A1	Dương Duy Khánh	22/11/2005		Kinh	Tb	T	10A03	Điền kinh - Thầy Hạnh
10	11A1	Lê Đăng Khoa	24/09/2005		Kinh	K	T	10A02	Vovinam
11	11A1	Nguyễn Thanh Liêm	29/08/2005		Kinh	K	T	10A10	Bóng đá - Thầy Ân
12	11A1	Mai Khánh Linh	12/02/2005	x	Kinh	G	T	10A01	Taekwondo - Cô Ly
13	11A1	Phạm Hoàng Long	01/11/2005		Kinh	Tb	K	10A03	Điền kinh - Thầy Hạnh
14	11A1	Võ Nguyễn Tuyết Mai	09/02/2005	x	Kinh	G	T	10A02	Vovinam
15	11A1	Trần Hoàng Minh	05/08/2005		Kinh	Tb	T	10A03	Đá cầu - Thầy Thạch
16	11A1	Mai Thị Xuân Nguyên	25/03/2005	x	Kinh	K	K	10A01	Taekwondo - Cô Ly
17	11A1	Phan Nguyễn Trọng Nhân	19/01/2005		Kinh	Tb	K	10A03	Đá cầu - Thầy Thạch
18	11A1	Trương Yến Nhi	15/10/2005	x	Kinh	Tb	T	10A01	Bóng chuyền - Thầy Hậu
19	11A1	Trương Tiến Phát	08/06/2005		Kinh	K	T	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
20	11A1	Huỳnh Trọng Phúc	18/03/2005		Kinh	G	T	10A03	Điền kinh - Cô Vy
21	11A1	Huỳnh Huy Phước	07/12/2005		Kinh	Tb	T	10A01	Taekwondo - Cô Ly
22	11A1	Lê Anh Quân	01/03/2005		Kinh	K	T	10A01	Cầu lông - Cô Ngân
23	11A1	Châu Ngọc Tuyết Sang	21/03/2005	x	Kinh	Tb	K	10A01	Taekwondo - Cô Ly
24	11A1	Ngô Thanh Tâm	23/04/2005		Kinh	G	T	10A02	Vovinam
25	11A1	Nguyễn Công Tấn	11/06/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
26	11A1	Văn Ngọc Thành	18/05/2005		Kinh	K	K	10A11	Điền kinh - Thầy Hạnh
27	11A1	Trương Nguyễn Long Tiến	03/07/2005		Kinh	G	T	10A03	Điền kinh - Cô Vy
28	11A1	Nguyễn Phạm Ngọc Tuyền	24/12/2005	x	Kinh	K	T	10A01	Taekwondo - Cô Ly
29	11A1	Mai Nguyễn Phương Uyên	01/05/2005	x	Kinh	K	T	10A11	Đá cầu - Thầy Thạch
30	11A1	Trình Đức Vinh	05/01/2005		Hoa	K	T	10A01	Taekwondo - Cô Ly
31	11A1	Võ Thị Tường Vy	31/03/2005	x	Kinh	K	T	10A03	Điền kinh - Cô Vy

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	~	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A2	Mai Hoàng Anh	04/06/2005		Kinh	K	K	10A01	Taekwondo - Cô Ly
2	11A2	Huỳnh Gia Bảo	03/06/2005		Kinh	G	T	10A01	Taekwondo - Cô Ly
3	11A2	Nguyễn Phong Hoài Duy	24/05/2005		Kinh	K	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
4	11A2	Huỳnh Nhật Hào	10/01/2005		Kinh	Tb	T	10A01	Cầu lông - Cô Ngân
5	11A2	Lê Ngọc Hân	29/02/2004	x	Kinh	G	T	10A01	Taekwondo - Cô Ly
6	11A2	Trần Nguyễn Phúc Hậu	05/02/2005		Kinh	K	T	10A03	Điền kinh - Cô Vy
7	11A2	Ngô Huỳnh Gia Huy	19/07/2005		Kinh	K	T	10A03	Điền kinh - Thầy Minh
8	11A2	Phạm Nguyễn Quang Huy	14/01/2005		Kinh	G	T	10A02	Vovinam
9	11A2	Trần Đỗ An Hưng	23/03/2005		Kinh	G	T	10A12	
10	11A2	Vũ Ngọc Hương	01/03/2005	x	Kinh	Tb	T	10A01	Bóng chuyền - Thầy Hậu
11	11A2	Nguyễn Anh Khoa	02/10/2005	x	Kinh	K	T	10A03	Đá cầu - Thầy Thạch
12	11A2	Trương Tuấn Kiệt	19/01/2005		Kinh	K	T	10A02	Vovinam
13	11A2	Nguyễn Lộc Long	26/04/2005		Kinh	Tb	K	10A01	Taekwondo - Cô Ly
14	11A2	Nguyễn Văn Lộc	12/12/2005		Kinh	Tb	T	10A03	Điền kinh - Thầy Hạnh
15	11A2	Trần Lê Lực	03/11/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
16	11A2	Vũ Đặng Thừa Lương	05/02/2005		Kinh	K	T	10A03	Điền kinh - Thầy Minh
17	11A2	Nguyễn Thanh Mai	04/07/2005	x	Kinh	G	T	10A02	Vovinam
18	11A2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	02/01/2005	x	Kinh	Tb	K	10A02	Vovinam
19	11A2	Võ Thành Nhân	05/07/2005		Kinh	K	T	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
20	11A2	Vũ Duy Phong	26/05/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
21	11A2	Trầm Thiên Phúc	26/07/2005	x	Nước ngoài	G	T	10A02	Vovinam
22	11A2	Ngô Minh Quyển	10/04/2005		Kinh	Tb	T	10A02	Vovinam
23	11A2	Ngô Phát Tài	06/11/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
24	11A2	Phan Ngọc Thịnh	16/08/2005		Kinh	G	T	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
25	11A2	Hoàng Ngọc Thơ	09/05/2005	x	Kinh	K	K	10A01	Taekwondo - Cô Ly
26	11A2	Phạm Nguyễn Hoàng Thuận	26/07/2005		Kinh	Tb	T	10A03	Điền kinh - Thầy Minh
27	11A2	Mai Phan Anh Thư	31/08/2005	x	Kinh	K	T	10A01	Bóng chuyền - Thầy Hậu
28	11A2	Lê Trương Tuấn	04/08/2005		Kinh	Tb	K	10A03	Điền kinh - Cô Vy
29	11A2	Lê Thị Kim Yến	25/10/2005	x	Kinh	Tb	T	10A03	Điền kinh - Thầy Hạnh

Tp.HCM, ngày 4 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	~	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A3	Nguyễn Tiến Anh	23/07/2005		Kinh	K	T	10A03	Đá cầu - Thầy Thạch
2	11A3	Huỳnh Gia Bảo	08/09/2005		Hoa	G	T	10A01	Cầu lông - Cô Ngân
3	11A3	Nguyễn Thái Biểu	25/09/2005		Kinh	K	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
4	11A3	Võ Thành Dân	07/02/2005		Kinh	G	T	10A03	Điền kinh - Cô Vy
5	11A3	Trần Kim Dung	25/05/2005	x	Kinh	K	K	10A02	Vovinam
6	11A3	Lâm Nhật Duy	17/02/2005		Kinh	K	K	10A03	Bơi lội - Cô Thanh
7	11A3	Phạm Hoàng Đăng	27/03/2005		Kinh	Tb	T	10A03	Điền kinh - Thầy Hạnh
8	11A3	Vương Mỹ Hạnh	24/10/2005	x	Kinh	K	T	10A03	Điền kinh - Thầy Hạnh
9	11A3	Hoàng Đức Hậu	17/04/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
10	11A3	Võ Trần Minh Huy	01/01/2005		Kinh	Tb	K	10A03	Điền kinh - Thầy Hạnh
11	11A3	Nguyễn Huỳnh Tấn Huy	09/04/2005		Kinh	Tb	T	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
12	11A3	Hồ Quỳnh Hương	11/09/2005	x	Kinh	G	T	10A01	Bóng chuyền - Thầy Hậu
13	11A3	Huỳnh Duy Khang	08/01/2004		Kinh	K	K	10A01	Taekwondo - Cô Ly
14	11A3	Dương Nhật Long	19/11/2005		Kinh	Tb	K	10A03	Đá cầu - Thầy Thạch
15	11A3	Nguyễn Văn Lợi	23/06/2005		Kinh	Tb	T	10A03	Điền kinh - Cô Vy
16	11A3	Nguyễn Phi Gia Luận	30/04/2005		Kinh	Tb	K	10A03	Bơi lội - Cô Thanh
17	11A3	Đỗ Nguyễn Công Minh	08/01/2005		Kinh	K	T	10A02	Vovinam
18	11A3	Dương Hiểu My	18/12/2005	x	Kinh	Tb	T	10A01	Taekwondo - Cô Ly
19	11A3	Nguyễn Vũ Nghĩa	11/01/2005		Kinh	Tb	T	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
20	11A3	Lâm Bảo Nhân	05/08/2005		Kinh	K	T	10A01	Bóng chuyền - Thầy Hậu
21	11A3	Nguyễn Hoàng Phúc	25/04/2004		Kinh	Tb	K	10A02	Vovinam
22	11A3	Phạm Thị Bích Quyên	21/09/2005	x	Kinh	K	T	10A03	Điền kinh - Cô Vy
23	11A3	Nguyễn Hữu Thành	14/12/2005		Kinh	Tb	T	10A03	Đá cầu - Thầy Thạch
24	11A3	Nguyễn Quốc Thảo	25/09/2005		Kinh	G	T	10A02	Vovinam
25	11A3	Nguyễn Đức Thịnh	28/04/2005		Kinh	Tb	T	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
26	11A3	Thái Trương Thanh Thư	04/06/2005	x	Hoa	G	T	10A03	Bơi lội - Cô Thanh
27	11A3	Nguyễn Trần Cát Tiên	05/06/2005	x	Kinh	Tb	T	10A01	Bóng chuyền - Thầy Hậu
28	11A3	Lê Thị Hà Trang	19/01/2005	x	Kinh	G	T	10A03	Điền kinh - Thầy Minh
29	11A3	Phạm Nguyễn Cẩm Tú	14/07/2005	x	Kinh	Tb	K	10A01	Bóng chuyền - Thầy Hậu

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	ns	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A4	Trần Quốc Anh	07/12/2005		Kinh	K	T	10A09	
2	11A4	Lê Thành Công	05/09/2005		Kinh	K	K	10A04	
3	11A4	Hán Quang Dũng	14/10/2005		Kinh	G	T	10A08	
4	11A4	Hồ Ngọc Mỹ Duyên	08/01/2005	x	Kinh	G	T	10A05	
5	11A4	Nguyễn Văn Đại	03/05/2005		Kinh	K	T	10A06	
6	11A4	Võ Hồng Hoàn Hào	30/12/2005	x	Kinh	Tb	T	10A05	
7	11A4	Bùi Minh Huân	12/09/2005		Kinh	K	T	10A11	
8	11A4	Huỳnh Gia Huy	03/08/2005		Kinh	K	K	10A10	
9	11A4	Nguyễn Phước Bảo Khang	11/05/2005		Kinh	K	K	10A07	
10	11A4	Huỳnh Tuấn Kiệt	20/10/2005		Kinh	Tb	Y	10A07	
11	11A4	Phạm Thị Yến Linh	02/08/2005	x	Kinh	K	T	10A04	
12	11A4	Huỳnh Gia Minh	06/05/2005		Hoa	Tb	T	10A07	
13	11A4	Võ Hồng Hoàn Mỹ	30/12/2005	x	Kinh	K	T	10A05	
14	11A4	Cao Nhật Nam	02/10/2005		Kinh	G	T	10A07	
15	11A4	Nguyễn Thị Kim Ngân	23/04/2005	x	Hoa	K	K	10A10	
16	11A4	Nguyễn Nhân Ngọc	05/03/2004		Kinh	Y	Tb	11A08	
17	11A4	Trương Trung Nhân	16/04/2005		Kinh	Tb	T	10A10	
18	11A4	Phan Ngọc Nhi	04/10/2005	x	Kinh	Tb	K	10A06	
19	11A4	Nguyễn Lê Tuyết Nhi	29/03/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
20	11A4	Nguyễn Lê Quỳnh Như	18/01/2005	x	Kinh	G	T	10A09	
21	11A4	Nguyễn Thành Phát	20/03/2005		Kinh	K	T	10A07	
22	11A4	Trần Tấn Phong	11/02/2004		Kinh	Tb	Tb	10A04	
23	11A4	Phạm Hoàng Phúc	12/10/2005		Kinh	Tb	Tb	10A07	
24	11A4	Trần Them Phước	05/09/2005		Hoa	Tb	T	10A08	
25	11A4	Trần Ngọc Phương	30/10/2005	x	Kinh	Tb	K	10A04	
26	11A4	Nguyễn Hải Quang	30/07/2005		Kinh	Tb	K	10A12	
27	11A4	Trương Trịnh Trúc Quân	02/10/2005		Kinh	Tb	K	10A12	
28	11A4	Châu Hali Samy	16/07/2005	x	Chăm	K	T	10A04	
29	11A4	Trần Hữu Tài	03/12/2005		Kinh	K	T	10A04	
30	11A4	Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	20/07/2005	x	Kinh	K	T	10A04	
31	11A4	Hoàng Quốc Thắng	12/06/2005		Kinh	Tb	K	10A09	
32	11A4	Lê Quang Thiện	20/10/2004		Kinh	Y	Tb	11A06	Học sinh thường
33	11A4	Lâm Trường Thịnh	19/01/2005		Kinh	Tb	K	10A07	
34	11A4	Nguyễn Trần Minh Thư	09/08/2005	x	Kinh	Tb	K	10A11	
35	11A4	Phạm Ngọc Trâm	16/03/2005	x	Kinh	K	T	10A04	
36	11A4	Nguyễn Phạm Tú Trân	04/11/2005	x	Kinh	K	T	10A05	
37	11A4	Nguyễn Thanh Kim Trúc	11/11/2005	x	Kinh	K	T	10A12	
38	11A4	Nguyễn Đắc Bảo Trung	27/03/2005		Kinh	G	T	10A08	
39	11A4	Lê Hoàng Anh Tuấn	08/08/2005		Kinh	Tb	T	10A06	
40	11A4	Từ Ngân Tuệ	09/08/2005	x	Hoa	K	K	10A04	
41	11A4	Trần Võ Quang Vinh	19/04/2005		Kinh	K	T	10A08	
42	11A4	Huỳnh Bảo Vy	26/10/2005	x	Kinh	K	T	10A04	
43	11A4	Trần Thị Yến Vy	25/12/2005	x	Kinh	G	T	10A04	
44	11A4	Mai Kim Yến	24/06/2005	x	Kinh	K	T	10A04	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A5	Trần Mỹ Anh	09/04/2005	x	Kinh	K	T	10A11	
2	11A5	Võ Văn Quốc Bảo	30/11/2004		Kinh	Tb	K	10A11	
3	11A5	Lê Tiến Dũng	07/07/2004		Kinh	Y	Y	11A09	
4	11A5	Nguyễn Thị Ngọc Dư	07/10/2005	x	Kinh	K	T	10A06	
5	11A5	Lưu Bá Dương	25/06/2004		Kinh	Tb	Tb	10A12	
6	11A5	Nguyễn Thành Đạt	30/10/2005		Kinh	K	T	10A04	
7	11A5	Huỳnh Thanh Trường Hải	08/12/2005		Kinh	K	T	10A11	
8	11A5	Trần Nhật Hoa	05/03/2005	x	Kinh	G	T	10A12	
9	11A5	Trần Ngọc Minh Huy	30/11/2005		Kinh	K	T	10A04	
10	11A5	Lê Hoàng Quốc Huy	24/08/2005		Kinh	Tb	K	10A07	
11	11A5	Đỗ Nguyễn Quang Khang	06/06/2005		Kinh	K	K	10A11	
12	11A5	Trần Nguyễn Trung Kiên	30/05/2005		Kinh	G	T	10A04	
13	11A5	Trần Thanh Liêm	31/07/2005		Kinh	K	T	10A11	
14	11A5	Nguyễn Ngọc Linh	14/09/2005	x	Kinh	K	T	10A11	
15	11A5	Lưu Ngọc Yến Linh	14/07/2005	x	Kinh	K	T	10A05	
16	11A5	Lê Thị Thanh Loan	08/07/2005	x	Kinh	Tb	K	10A08	
17	11A5	Văn Hữu Minh	14/12/2005		Hoa	K	T	10A11	
18	11A5	Phạm Cẩm My	10/05/2005	x	Kinh	K	T	10A12	
19	11A5	Đỗ Nhật Nam	28/08/2005		Kinh	Tb	Tb	10A10	
20	11A5	Trần Thị Thúy Ngân	18/09/2005	x	Kinh	K	T	10A05	
21	11A5	Trần Vũ Bảo Ngọc	30/04/2005	x	Kinh	G	T	10A05	
22	11A5	Nguyễn Trọng Nhân	12/11/2005		Kinh	K	T	10A08	
23	11A5	Dương Thục Nhi	16/09/2005	x	Hoa	K	K	10A04	
24	11A5	Nguyễn Đào Thảo Như	27/10/2005	x	Kinh	G	T	10A06	
25	11A5	Lê Kiều Oanh	30/01/2005	x	Kinh	K	T	10A10	
26	11A5	Nguyễn Thành Phát	06/06/2005		Kinh	Tb	Tb	10A10	
27	11A5	Vương Huỳnh Nhật Phi	01/01/2004		Kinh	Y	Tb	11A10	
28	11A5	Lê Hoàng Phong	26/10/2005		Kinh	K	K	10A11	
29	11A5	Nguyễn Phi Phúc	18/04/2005		Kinh	K	T	10A05	
30	11A5	Trần Ngọc Phụng	10/03/2005	x	Hoa	Tb	K	10A12	
31	11A5	Phạm Nguyễn Thanh Phương	16/12/2002		Kinh	Tb	T	10A10	
32	11A5	Hồ Minh Quân	09/07/2005		Kinh	Tb	T	10A04	
33	11A5	Nguyễn Hoàng Tú Quyên	24/05/2005	x	Kinh	K	K	10A11	
34	11A5	Thái Tín Thành	12/09/2005		Hoa	Tb	K	10A04	
35	11A5	Lê Thị Thu Thảo	23/01/2004	x	Kinh	K	T	10A04	
36	11A5	Đặng Nguyễn Lạc Thiện	18/01/2005		Kinh	Tb	K	10A06	
37	11A5	Ông Lâm Phúc Thịnh	30/01/2005		Hoa	Tb	K	10A04	
38	11A5	Huỳnh Minh Thư	30/12/2005	x	Kinh	Tb	K	10A04	
39	11A5	Trần Nguyễn Huyền Trân	01/10/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
40	11A5	Trương Minh Tuấn	04/06/2005		Kinh	G	T	10A04	
41	11A5	Đinh Anh Vũ	23/03/2005		Kinh	K	T	10A12	
42	11A5	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/04/2005	x	Kinh	Tb	T	10A06	
43	11A5	Nguyễn Ngọc Tường Vy	02/04/2005	x	Kinh	Tb	T	10A06	
44	11A5	Phan Nguyễn Thanh Hải Yến	19/01/2005	x	Kinh	Tb	T	10A06	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A6	Nguyễn Bá Thiên Ân	08/05/2005		Kinh	G	T	10A05	
2	11A6	Nguyễn Gia Bảo	10/07/2005		Kinh	Tb	T	10A08	
3	11A6	Nguyễn Thị Mỹ Chi	06/12/2003	x	Kinh	Kem	K	11A05	
4	11A6	Phan Chí Công	15/02/2005		Kinh	Tb	K	10A05	
5	11A6	Đồng Thành Đạt	22/03/2005		Kinh	K	Y	10A11	
6	11A6	Lê Hải Đăng	29/10/2005		Kinh	K	K	10A04	
7	11A6	Trần Thị Nhã Đình	12/05/2005	x	Kinh	K	T	10A07	
8	11A6	Nguyễn Xuân Hào	31/01/2005	x	Kinh	Tb	K	10A12	
9	11A6	Khương Bành Ngọc Hân	05/01/2005	x	Hoa	K	T	10A07	
10	11A6	Hứa Khánh Hiếu	23/03/2005		Kinh	K	T	10A06	
11	11A6	Phạm Gia Huy	30/10/2005		Kinh	K	T	10A06	
12	11A6	Triệu Thị Như Huỳnh	01/03/2005	x	Khơme	Tb	T	10A07	
13	11A6	Trần Minh Khang	11/12/2005		Kinh	K	T	10A12	
14	11A6	Lê Nguyễn Hoàng Khanh	21/02/2005		Kinh	G	T	10A12	
15	11A6	Nguyễn Gia Kiệt	13/06/2005		Kinh	Tb	K	10A06	
16	11A6	Nguyễn Thị Trúc Lan	05/11/2005	x	Kinh	K	T	10A07	
17	11A6	Đinh Thị Hoài Linh	19/01/2005	x	Kinh	K	T	10A05	
18	11A6	Lý Trúc Linh	03/05/2005	x	Kinh	K	T	10A06	
19	11A6	Lê Thành Long	28/04/2005		Kinh	Tb	T	10A11	
20	11A6	Nguyễn Hoàng My	10/06/2005	x	Kinh	K	T	10A07	
21	11A6	Nguyễn Hoàng Gy Na	03/05/2005	x	Kinh	K	T	10A07	
22	11A6	Nguyễn Thụy Kim Ngân	28/09/2005	x	Kinh	Tb	K	10A08	
23	11A6	Bùi Ngọc Nhân	12/07/2005		Kinh	G	T	10A11	
24	11A6	Nguyễn Lê Thị Tuyết Nhi	19/03/2005	x	Kinh	K	K	10A05	
25	11A6	Huỳnh Ý Như	30/11/2005	x	Hoa	Tb	K	10A04	
26	11A6	Tạ Vĩnh Phát	25/11/2005		Hoa	K	T	10A05	
27	11A6	Vũ Tuệ Phi	07/11/2005		Kinh	G	T	10A04	
28	11A6	Hà Thanh Phong	26/10/2005		Kinh	K	T	10A10	
29	11A6	Đỗ Trọng Phúc	01/01/2005		Kinh	Tb	K	10A08	
30	11A6	Lê Minh Quân	19/12/2005		Kinh	Tb	K	10A11	
31	11A6	Cao Hoàng Phương Quyên	21/06/2005	x	Kinh	K	K	10A12	
32	11A6	SalyHah	25/01/2005	x	Chăm	Tb	T	10A03	
33	11A6	Huỳnh Đức Tài	06/02/2003		Kinh	Y	Tb	11A07	
34	11A6	Lê Thành Thiên	13/06/2005		Kinh	K	T	10A12	
35	11A6	Nguyễn Văn Thông	13/01/2004		Kinh	Tb	T	10A05	
36	11A6	Vương Duy Thơ	04/07/2005	x	Hoa	Tb	T	10A07	
37	11A6	Nguyễn Đăng Tiến	06/02/2005		Kinh	Tb	K	10A04	
38	11A6	Trần Lê Phương Trang	05/05/2005	x	Kinh	G	T	10A06	
39	11A6	Huỳnh Tăng Tú Trinh	02/12/2005	x	Hoa	Tb	T	10A07	
40	11A6	Nguyễn Ngọc Cát Tường	23/03/2005		Kinh	K	T	10A06	
41	11A6	Lênh Tú Vinh	23/08/2005		Hoa	Tb	Y	10A11	
42	11A6	Nguyễn Xuân Nhật Vy	18/07/2005	x	Kinh	K	T	10A07	
43	11A6	Nguyễn Phạm Thanh Vy	29/12/2005	x	Kinh	K	T	10A10	
44	11A6	Ngô Thiên Yên	28/02/2005		Kinh	Tb	Tb	10A11	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A7	Nguyễn Tuấn Anh	18/10/2004		Kinh	G	Y	10A07	
2	11A7	Trần Thiên Bảo	24/07/2005		Kinh	G	T	10A06	
3	11A7	Lương Tiểu Bình	12/02/2005	x	Hoa	K	T	10A10	
4	11A7	Trần Trung Chánh	24/09/2004		Kinh	Kem	Tb	11A08	
5	11A7	Giang Quốc Cường	02/10/2005		Hoa	K	K	10A05	
6	11A7	Lê Mi Anh Đào	08/03/2005	x	Kinh	K	T	10A08	
7	11A7	Nguyễn Tấn Đạt	04/02/2005		Kinh	Tb	K	10A12	
8	11A7	Mai Hà Gia Hân	14/10/2005	x	Kinh	K	T	10A08	
9	11A7	Huỳnh Minh Hiền	02/11/2005		Kinh	K	K	10A11	
10	11A7	Thái Trọng Hiếu	07/08/2005		Kinh	K	T	10A09	
11	11A7	Vũ Tuyết Hoa	06/06/2005	x	Kinh	K	T	10A11	
12	11A7	Lương Gia Huy	20/10/2005		Hoa	Tb	K	10A12	
13	11A7	Mai Mạnh Huy	11/12/2005		Kinh	K	K	10A08	
14	11A7	Phạm Thị Ngọc Huyền	30/04/2005	x	Kinh	K	T	10A08	
15	11A7	Thái Nguyễn Thường Khang	11/02/2005		Kinh	Tb	Tb	10A06	
16	11A7	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2004		Kinh	Y	Y	11A09	
17	11A7	Hồ Đăng Khoa	03/05/2005		Kinh	K	T	10A04	
18	11A7	Võ Trọng Khôi	10/08/2005		Kinh	Tb	K	10A06	
19	11A7	Nguyễn Anh Khánh Linh	28/04/2005	x	Kinh	G	T	10A12	
20	11A7	Trần Nguyệt Linh	08/09/2005	x	Kinh	G	T	10A07	
21	11A7	Lê Nguyễn Trúc Ly	29/03/2005	x	Kinh	G	T	10A04	
22	11A7	Nguyễn Đình Hạ My	31/05/2005	x	Kinh	K	T	10A08	
23	11A7	Trần Nguyễn Thanh Ngân	17/10/2005	x	Kinh	Tb	T	10A07	
24	11A7	Thái Thực Nghi	27/03/2005	x	Hoa	Tb	T	10A07	
25	11A7	Trần Tuấn Nghĩa	02/07/2005		Kinh	K	T	10A12	
26	11A7	Nguyễn Thường Nghiên	16/09/2005	x	Kinh	K	T	10A08	
27	11A7	Võ Yến Ngọc	31/05/2005	x	Kinh	Tb	K	10A08	
28	11A7	Lê Hà Yến Nhi	13/10/2005	x	Kinh	K	T	10A07	
29	11A7	Hồ Hạo Nhiên	23/09/2005		Kinh	G	T	10A05	
30	11A7	Trương Nguyễn Phong Phát	17/10/2005		Kinh	Tb	K	10A11	
31	11A7	Lưu Thiên Phúc	28/06/2005		Hoa	Tb	Tb	10A06	
32	11A7	Nguyễn Minh Quân	03/08/2005		Kinh	K	T	10A09	
33	11A7	Nguyễn Thanh Sang	03/02/2005		Kinh	K	T	10A05	
34	11A7	Quách Phú Tài	13/03/2005		Hoa	Tb	T	10A06	
35	11A7	Trần Võ Minh Tấn	31/03/2005		Kinh	Tb	T	10A08	
36	11A7	Lư Trung Thành	23/01/2005		Kinh	Tb	Tb	10A05	
37	11A7	Hoàng Minh Thư	18/09/2005	x	Kinh	Tb	K	10A05	
38	11A7	Trịnh Ngọc Huyền Trân	21/01/2005	x	Kinh	G	T	10A02	
39	11A7	Nguyễn Hữu Trí	09/11/2005		Kinh	K	T	10A10	
40	11A7	Trần Lâm Thế Triển	16/01/2005		Hoa	Tb	T	10A12	
41	11A7	Nguyễn Bảo Tuấn	28/04/2005		Kinh	K	T	10A08	
42	11A7	Ngô Thanh Tuyền	16/10/2005	x	Kinh	Tb	K	10A12	
43	11A7	Nguyễn Phúc Quang Vinh	17/04/2005		Kinh	Tb	K	10A10	
44	11A7	Trương Thị Hà Vy	24/03/2005	x	Kinh	K	K	10A05	
45	11A7	Trần Thị Phúc Vy	07/11/2005	x	Kinh	K	T	10A08	
46	11A7	Lê Hải Yến	28/12/2005	x	Kinh	K	T	10A08	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	~	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạng kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A8	Trần Hoài An	11/09/2005		Kinh	Tb	T	10A04	
2	11A8	Trần Diệp Thái Bảo	09/02/2005		Kinh	Tb	Tb	10A10	
3	11A8	Vì Thành Công	09/11/2005		Thái	K	T	10A07	
4	11A8	Trịnh Hoàng Dù	10/08/2005		Hoa	Tb	K	10A10	
5	11A8	Nguyễn Nhật Duy	10/10/2005		Kinh	K	K	10A05	
6	11A8	Trần Tiến Đạt	26/12/2005		Kinh	K	T	10A05	
7	11A8	Trương Thy Đình	18/10/2005	x	Hoa	K	T	10A10	
8	11A8	Huỳnh Thái Trúc Giang	17/11/2005	x	Hoa	Tb	K	10A11	
9	11A8	Phạm Hồ Hoàng Hân	24/02/2005	x	Kinh	Tb	K	10A09	
10	11A8	Lê Thanh Hiếu	27/05/2005		Kinh	K	T	10A08	
11	11A8	Huỳnh Gia Huy	19/09/2005		Hoa	Tb	Y	10A11	
12	11A8	Nguyễn Huỳnh Khải Huyền	19/07/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
13	11A8	Lương Gia Khang	21/12/2005		Hoa	Tb	K	10A08	
14	11A8	Vì Minh Khánh	16/09/2005		Hoa	Tb	Tb	10A10	
15	11A8	Hứa Gia Kiên	02/11/2005		Hoa	Tb	K	10A05	
16	11A8	Khru Bội Linh	10/09/2005	x	Hoa	Tb	T	10A08	
17	11A8	Huỳnh Ngọc Thùy Linh	04/11/2005	x	Kinh	K	T	10A11	
18	11A8	Nguyễn Hải Long	18/11/2005		Kinh	Tb	K	10A10	
19	11A8	Trần Vĩnh Luân	11/11/2005		Hoa	Tb	K	10A06	
20	11A8	Nguyễn Hồ Nam	04/04/2005		Kinh	K	Tb	10A08	
21	11A8	Nguyễn Lý Kim Ngân	27/06/2005	x	Kinh	K	T	10A12	
22	11A8	Võ Ngọc Kim Ngân	01/08/2005	x	Kinh	G	T	10A04	
23	11A8	Nguyễn Quốc Mỹ Nghi	21/02/2005	x	Kinh	G	T	10A05	
24	11A8	Phạm Kim Ngọc	05/01/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
25	11A8	Diệp Hiếu Nhân	10/02/2005		Kinh	G	T	10A09	
26	11A8	Phan Yến Nhi	23/12/2005	x	Kinh	K	T	10A08	
27	11A8	Thái Thị Quỳnh Như	14/10/2005	x	Kinh	G	T	10A05	
28	11A8	Võ Đại Phát	02/09/2005		Kinh	Tb	K	10A08	
29	11A8	Trần Hữu Phi	08/06/2005		Kinh	Tb	K	10A12	
30	11A8	Nguyễn Hoàng Minh Phú	10/03/2003		Kinh	Y	K	11A08	Người giám hộ: Nguyễn Minh Số 0913898063
31	11A8	Lương Nguyễn Thiên Phúc	15/02/2005		Kinh	K	T	10A12	
32	11A8	Dương Kim Phụng	05/08/2005	x	Hoa	K	T	10A05	
33	11A8	Nguyễn Minh Quân	01/09/2005		Kinh	K	T	10A10	
34	11A8	Dương Nguyễn Tấn Tài	20/12/2005		Hoa	Tb	T	10A07	
35	11A8	Phạm Hoài Thiên	29/11/2005		Kinh	K	T	10A07	
36	11A8	Nguyễn Anh Thư	03/03/2005	x	Kinh	K	K	10A08	
37	11A8	Trần Bát Toàn	01/01/2005		Hoa	Tb	T	10A12	
38	11A8	Âu Dương Tuấn	23/11/2005		Kinh	K	T	10A05	
39	11A8	Nguyễn Thị Hồng Vân	12/10/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
40	11A8	Nguyễn Bùi Quốc Vinh	22/09/2005		Kinh	G	T	10A01	
41	11A8	Hà Thanh Vy	30/03/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
42	11A8	Lê Tường Vy	12/05/2005	x	Kinh	G	T	10A05	
43	11A8	Đỗ Ngọc Tường Vy	08/07/2005	x	Kinh	Tb	T	10A09	
44	11A8	Nguyễn Kim Yến	21/04/2005	x	Kinh	K	K	10A05	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	~	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạng kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A9	Trần Hoàng Anh	05/10/2005		Kinh	K	T	10A06	
2	11A9	Bùi Gia Bảo	18/08/2005		Kinh	K	T	10A12	
3	11A9	Lê Quang Danh	25/08/2005		Kinh	K	K	10A08	
4	11A9	Lê Chí Đại	18/06/2004		Kinh	Y	Y	11A04	
5	11A9	Lê Kim Hằng	26/01/2005	x	Kinh	K	T	10A10	
6	11A9	Đỗ Đình Hiền	06/11/2005		Kinh	K	T	10A05	
7	11A9	Huỳnh Trung Hoàng	27/04/2005		Kinh	Tb	K	10A02	Bóng đá - Thầy Ân
8	11A9	Nguyễn Đình Gia Huy	25/07/2005		Kinh	K	T	10A07	
9	11A9	Tăng Gia Huy	24/04/2005		Kinh	K	K	10A05	
10	11A9	Lý Mỹ Huyền	09/07/2005	x	Kinh	Tb	T	10A10	
11	11A9	Cao Nguyên Khang	18/03/2005		Kinh	K	T	10A09	
12	11A9	Lương Hoàng Gia Khánh	02/07/2005		Hoa	G	T	10A09	
13	11A9	Trần Thị Hồng Linh	18/02/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
14	11A9	Lương Tuyết Linh	28/07/2005	x	Hoa	K	K	10A08	
15	11A9	Nguyễn Nhật Long	05/06/2005		Kinh	Tb	T	10A08	
16	11A9	Huỳnh Đình Min	21/01/2005		Kinh	Tb	K	10A05	
17	11A9	Võ Huỳnh Thảo Ngân	10/12/2005	x	Kinh	Tb	T	10A09	
18	11A9	Hứa Quang Nhật	20/02/2005		Hoa	Tb	K	10A06	
19	11A9	Lâm Yến Nhi	09/10/2005	x	Hoa	K	T	10A12	
20	11A9	Quách Phụng Như	20/02/2005	x	Hoa	Tb	T	10A08	
21	11A9	Nguyễn Tấn Nhựt	23/10/2005		Kinh	K	T	10A04	
22	11A9	Tô Thiên Phát	07/06/2004		Hoa	Kem	Tb	11A10	
23	11A9	Trần Kiến Phong	25/02/2005		Kinh	K	K	10A09	
24	11A9	Nguyễn Hồng Thanh Phú	31/12/2005		Kinh	Tb	T	10A06	
25	11A9	La Thanh Phúc	24/11/2005		Kinh	G	T	10A10	
26	11A9	Đỗ Ngọc Phụng	13/06/2005	x	Hoa	Tb	K	10A10	
27	11A9	Phạm Thị Phương	14/03/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
28	11A9	Nguyễn Đăng Quang	26/02/2003		Kinh	Tb	Y	10A06	Lưu ban
29	11A9	Vũ Minh Quân	20/05/2005		Kinh	K	T	10A08	
30	11A9	Phạm Tấn Tài	28/03/2004		Kinh	Tb	K	10A09	Lưu ban
31	11A9	Phạm Hồng Thanh	09/12/2005	x	Kinh	K	K	10A06	
32	11A9	Hoàng Thành	07/08/2005		Kinh	Tb	T	10A12	
33	11A9	Ngô Anh Thư	17/12/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
34	11A9	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	05/04/2005	x	Kinh	Tb	Y	10A08	
35	11A9	Trần Lương Thuận Trân	12/07/2005	x	Kinh	G	T	10A06	
36	11A9	Nguyễn Võ Minh Trí	08/04/2005		Kinh	K	K	10A11	
37	11A9	Hà Ngọc Tuyền	22/02/2005	x	Kinh	G	T	10A11	
38	11A9	Bùi Phương Thảo Uyên	10/08/2005	x	Kinh	Tb	T	10A09	
39	11A9	Nguyễn Thị Bạch Vân	26/11/2005	x	Kinh	Tb	K	10A06	
40	11A9	Lương Gia Vinh	23/10/2005		Hoa	K	T	10A04	
41	11A9	Nguyễn Thanh Vũ	10/03/2005		Kinh	Tb	T	10A09	
42	11A9	Lê Châu Vy	28/11/2004	x	Kinh	K	Y	10A07	
43	11A9	Nguyễn Hoàng Vy	26/11/2005	x	Kinh	G	T	10A11	
44	11A9	Huỳnh Khả Yến	25/04/2005	x	Hoa	K	T	10A07	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A10	Huỳnh Trúc Anh	14/10/2005	x	Kinh	G	T	10A12	
2	11A10	Phạm Tuấn Anh	29/01/2005		Kinh	K	T	10A08	
3	11A10	Trương Quốc Bảo	08/10/2005		Kinh	K	T	10A09	
4	11A10	Lê Nguyễn Thành Danh	11/07/2005		Kinh	Tb	K	10A09	
5	11A10	Phạm Nguyễn Ngọc Dung	06/07/2005	x	Kinh	Tb	Y	10A07	
6	11A10	Phan Thị Mỹ Duyên	04/09/2005	x	Kinh	Tb	Tb	10A04	
7	11A10	Mao Siêu Dương	21/10/2005		Hoa	K	T	10A04	
8	11A10	Phạm Thành Đạt	16/02/2005		Kinh	G	T	10A10	
9	11A10	Lê Ngọc Hân	23/06/2005	x	Kinh	G	T	10A06	
10	11A10	Trần Vũ Quốc Hoài	07/03/2005		Kinh	Tb	T	10A10	
11	11A10	Trương Vĩnh Hùng	04/05/2005		Kinh	Tb	T	10A12	
12	11A10	Tất Gia Huy	25/10/2005		Hoa	K	T	10A11	
13	11A10	Trịnh Phúc Khang	08/06/2004		Kinh	Y	K	11A02	
14	11A10	Nguyễn Đồng Khởi	24/12/2005		Kinh	Tb	T	10A06	
15	11A10	Thái Gia Kiệt	23/02/2005		Kinh	K	T	10A09	
16	11A10	Vũ Trần Thiên Kim	18/10/2005	x	Kinh	K	T	10A12	
17	11A10	Phạm Nguyễn Hoàng Linh	05/09/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
18	11A10	Ngũ Vĩ Long	13/09/2005		Hoa	K	T	10A09	
19	11A10	Võ Vũ Luân	26/09/2005		Kinh	K	K	10A05	
20	11A10	Phạm Ánh Kim Ngân	10/03/2005	x	Kinh	K	K	10A06	
21	11A10	Trần Dzip Tuyết Ngân	02/02/2005	x	Kinh	Tb	K	10A10	
22	11A10	Nguyễn Quốc Trọng Nghĩa	23/03/2005		Kinh	K	T	10A09	
23	11A10	Trần Thái Thanh Nhân	27/09/2005		Kinh	Tb	K	10A06	
24	11A10	Vũ Yến Nhi	31/03/2005	x	Kinh	K	T	10A12	
25	11A10	Huỳnh Tịnh Như	13/04/2003	x	Kinh	Tb	Y	10A07	
26	11A10	Trần Quang Phát	06/09/2005		Kinh	Tb	Y	10A06	
27	11A10	Ngô Diệp Phú	31/03/2004		Hoa	Y	Tb	11A09	
28	11A10	Trương Phạm Phi Phụng	10/05/2005	x	Kinh	K	T	10A11	
29	11A10	Nguyễn Minh Quân	10/12/2004		Kinh	Tb	K	10A05	
30	11A10	Nguyễn Ngô Mỹ Quyền	26/05/2005	x	Kinh	K	T	10A04	
31	11A10	Hồ Thanh Sang	06/07/2005		Kinh	Tb	K	10A06	
32	11A10	Lê Chí Thành	11/01/2005		Kinh	K	K	10A08	
33	11A10	Trần Tuấn Thịnh	07/03/2005		Hoa	K	K	10A05	
34	11A10	Tô Gia Thụy	29/10/2005	x	Kinh	K	T	10A10	
35	11A10	Lê Dương Hoài Thư	30/08/2005	x	Kinh	K	T	10A12	
36	11A10	Mai Thị Đoàn Trang	14/08/2005	x	Kinh	Tb	K	10A05	
37	11A10	Trần Mỹ Trân	16/10/2005	x	Hoa	G	T	10A11	
38	11A10	Nguyễn Đăng Trung Trực	22/04/2005		Kinh	K	T	10A09	
39	11A10	Lê Huỳnh Mạnh Tuấn	08/10/2005		Kinh	G	T	10A07	
40	11A10	Mã Kim Tuyền	21/10/2005	x	Hoa	Tb	T	10A10	
41	11A10	Hồ Phương Uyên	14/04/2005	x	Kinh	K	T	10A10	
42	11A10	Nguyễn Thụy Tuyết Vân	27/01/2005	x	Kinh	Tb	K	10A06	
43	11A10	Dương Thị Ngọc Vy	03/11/2004	x	Kinh	Tb	T	10A12	
44	11A10	Đinh Ngọc Tường Vy	02/08/2005	x	Kinh	K	K	10A08	
45	11A10	Phạm Nguyễn Tường Vy	09/04/2005	x	Kinh	Tb	T	10A10	

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Học lực năm trước	Hạnh kiểm năm trước	Lớp năm trước	Ghi chú
1	11A11	Huỳnh Nguyễn Quốc Anh	10/12/2005		Kinh	K	K	10A10	
2	11A11	Nguyễn Ngô Gia Bảo	01/10/2005		Kinh	K	K	10A04	
3	11A11	Nguyễn Minh Đức	17/11/2005		Kinh	Tb	K	10A09	
4	11A11	Ngô Văn Hiếu	28/07/2005		Kinh	Tb	Y	10A07	
5	11A11	Nguyễn Văn Học	10/04/2005		Kinh	K	T	10A08	
6	11A11	Nguyễn Lê Hoàng Huy	11/10/2005		Kinh	K	T	10A09	
7	11A11	Nguyễn Thị Bé Huyền	09/05/2004	x	Kinh	Kem	Tb	11A03	
8	11A11	Tham Huỳnh Phúc Khang	19/09/2005		Kinh	G	T	10A10	
9	11A11	Huỳnh Bảo Minh Khôi	29/03/2005		Kinh	G	T	10A07	
10	11A11	Lương Chí Kiên	14/04/2005		Hoa	Tb	T	10A10	
11	11A11	Trần Tuấn Kiệt	13/10/2005		Kinh	Tb	Tb	10A08	
12	11A11	Nguyễn Ngọc Thanh Kim	23/08/2005	x	Kinh	K	T	10A05	
13	11A11	Ký Thị Thùy Linh	29/01/2005	x	Kinh	K	K	10A10	
14	11A11	Lê Phương Yến Linh	03/10/2005	x	Kinh	Tb	Tb	10A10	
15	11A11	Thái Hoàng Long	28/09/2005		Kinh	Tb	T	10A12	
16	11A11	Nguyễn Lê Tấn Lộc	26/09/2005		Kinh	K	T	10A12	
17	11A11	Huỳnh Ngọc Trà My	01/01/2005	x	Kinh	G	T	10A04	
18	11A11	Nguyễn Hoàng Nam	03/09/2005		Kinh	Tb	K	10A09	
19	11A11	Nguyễn Thanh Ngân	27/12/2005	x	Kinh	K	T	10A11	
20	11A11	Lôi Mỹ Nghi	01/09/2005	x	Hoa	Tb	K	10A06	
21	11A11	Lê Việt Trung Nghĩa	08/10/2005		Kinh	K	T	10A11	
22	11A11	Lý Mỹ Ngọc	03/09/2004	x	Hoa	Tb	T	10A07	
23	11A11	Trần Hồng Nhân	08/05/2005		Kinh	K	T	10A07	
24	11A11	Lê Phúc Khánh Nhi	23/07/2005	x	Kinh	G	T	10A11	
25	11A11	Lý Thị Tuyết Nhi	21/04/2005	x	Kinh	Tb	T	10A10	
26	11A11	Nguyễn Tuyết Nhung	07/06/2005	x	Kinh	K	T	10A09	
27	11A11	Lâm Minh Như	21/02/2005	x	Kinh	Tb	T	10A10	
28	11A11	Trà Minh Phát	10/06/2005		Kinh	K	K	10A09	
29	11A11	Nguyễn Thị Hồng Phấn	05/07/2004	x	Kinh	K	T	10A11	
30	11A11	Phan Cao Phong	18/07/2005		Kinh	K	K	10A08	
31	11A11	Lê Thị Ánh Phương	27/03/2004	x	Kinh	Tb	T	10A06	Lưu ban
32	11A11	Lý Văn Quý	07/06/2005		Hoa	K	T	10A07	
33	11A11	Huỳnh Tấn Tài	16/01/2005		Hoa	Tb	K	10A05	
34	11A11	Đỗ Thanh Tâm	09/08/2005	x	Kinh	K	T	10A12	
35	11A11	Nguyễn Hòa Thành	12/02/2005		Hoa	K	K	10A09	
36	11A11	Nguyễn Ngọc Thịnh	08/09/2004		Kinh	Tb	Tb	10A03	HS thường
37	11A11	Nguyễn Gia Thuận	19/07/2005		Kinh	K	T	10A06	
38	11A11	Nguyễn Thanh Thu Thủy	05/10/2005	x	Kinh	Tb	T	10A09	
39	11A11	Võ Minh Triều	02/03/2005		Kinh	K	T	10A12	
40	11A11	Dương Quan Trọng	06/09/2005		Kinh	K	K	10A11	
41	11A11	Trương Minh Tuyết	20/03/2005	x	Kinh	Tb	T	10A12	
42	11A11	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	13/01/2005	x	Kinh	K	T	10A11	
43	11A11	Tô Hồng Vy	30/06/2005	x	Kinh	K	T	10A11	
44	11A11	Nguyễn Đoàn Tâm Vy	09/10/2005	x	Kinh	G	T	10A12	
45	11A11	Châu Toàn Ý	27/05/2004		Kinh	Tb	K	10A07	Lưu ban